

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên và bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Q**, sinh năm 1983, địa chỉ: **Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt

- Bị đơn: Anh **Hà Văn K**, sinh năm 1980, HKTT: **Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**. Nay đang chấp hành án tại Đội 4, phân trại 1, **Trạm giam V - Bộ C**, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Phạm Thị Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Hà Văn K** kết hôn với nhau ngày 18/10/2001, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau đó vợ chồng thường xuyên xung đột mâu thuẫn do có những bất đồng

quan điểm trong cuộc sống. Nhiều lần anh chị tìm cách giải quyết nhằm có tiếng nói chung nhưng không thành. Năm 2023 anh **K** phạm tội, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 20 năm tù, nay đang chấp hành án tại **Trại giam V1**. Chị nhận thấy hạnh phúc gia đình đã đổ vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **K**.

*Bị đơn anh **Hà Văn K** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị **Q** trình bày. Anh **K** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh **K** xác định tình cảm không còn nên chị **Q** xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị **Q** và anh **K** cùng trình bày anh chị có hai con chung là **Hà Thị Thu K1**, sinh ngày 05/8/2002 và **Hà Thu T**, sinh ngày 28/6/2010. Hiện nay cháu **K1** đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu **T** đang ở cùng chị **Q**. Ly hôn chị **Q** xin được tiếp tục nuôi cháu **T** và không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con. Anh **K** đồng ý để chị **Q** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **T**.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị **Q** và anh **K** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Q**, cho chị **Phạm Thị Q** được ly hôn anh **Hà Văn K**; Giao cho chị **Q** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Hà Thu T**, anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị **Q** phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Phạm Thị Q** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Hà Văn K** và xin được nuôi con chung, anh **K** có hộ khẩu thường trú tại **huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, hiện đang chấp hành án tại đội 4, phân trại 1 - **Trại giam V1**. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị **Q** và anh **K** đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị **Q** và anh **K**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Q** và anh **Hà Văn K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay anh **K** đang chấp hành án tại trại giam, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Việc chị **Q** xin ly hôn, anh **K** hoàn toàn nhất trí. Xét thấy hôn nhân của chị **Q** và anh **K** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Q**, cho chị **Q** được ly hôn anh **K**.

[3] Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị **Q** và anh **K** có 02 con chung là **Hà Thị Thu K1**, sinh ngày 05/8/2002 và **Hà Thu T**, sinh ngày 28/6/2010. Hiện nay cháu **K1** đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu **T** chưa thành niên và đang ở cùng chị **Q**, ly hôn chị **Q** xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **T** và không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng, anh **K** đồng ý với yêu cầu của chị **Q**. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị **Q** là chính đáng, anh **K** đang chấp hành án và cũng đồng ý để chị **Q** tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó giao cho chị **Q** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **T** là phù hợp. Chị **Q** không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Chị **Q** và anh **K** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Phạm Thị Q** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị **Phạm Thị Q** được ly hôn anh **Hà Văn K**.
2. Về con chung: Giao cho chị **Phạm Thị Q** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Hà Thu T**, sinh ngày 28/6/2010, anh **Hà Văn K** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị **Phạm Thị Q** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006965, ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương.
4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Minh Hoàng